

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 002/VCF/2018

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (“VCF”)

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: (0251) 383 6554

Fax: (0251) 383 6108

Mã số doanh nghiệp: 3600261626

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 00265/2017/ATTP-CNĐK - Ngày Cấp: 31/3/2017 - Nơi cấp: Cục An toàn Thực phẩm – Bộ Y Tế

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: THỰC PHẨM BỔ SUNG – NGŨ CỐC DINH DƯỠNG HÀNG NGÀY B’FAST

2. Thành phần:

Bột kem**, đường, ngũ cốc*** 24,4 %, yến mạch 13,5 %, hỗn hợp canxi và khoáng chất từ sữa 1,7 %, muối, hương liệu tổng hợp, giống tự nhiên.

** **Bột kem** (glucose syrup, dầu thực vật, chiết xuất mầm lúa mạch, chất khô từ sữa, đường, chất ổn định (340ii, 452i), chất nhũ hóa (471, 472e), chất điều chỉnh độ axit (331iii), chất chống đông vón (551), hương liệu tổng hợp, muối)

*** **ngũ cốc** (bột mì, đường, tinh bột khoai mì, yến mạch nguyên cám, bột đậu nành, chiết xuất mầm lúa mạch, bột gạo, muối, glucose syrup, hỗn hợp acid amin, D-xylose, hương liệu giống tự nhiên, chất tạo màu tự nhiên (160b(ii)), chất chống oxy hóa (307b))

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Sử dụng tốt nhất trước: 09 tháng kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được chứa trong bao bì màng ghép phức hợp, khối lượng tịnh gói: 26 g.

- Thành phẩm được đóng gói theo quy cách: 18 gói x 26 g trong bịch bao bì màng ghép phức hợp.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Bản tự công bố này được đăng tải tại: www.vinacafebienhoa.com

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (“Công ty”), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.



Handwritten signature or mark.

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Sản xuất tại Việt Nam

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm (đính kèm Phụ lục - Danh mục chi tiết chỉ tiêu và mức công bố)

Sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

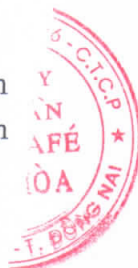
1. QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, ban hành kèm Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế đối với nhóm sản phẩm ngũ cốc.
2. QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm, ban hành kèm Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y Tế đối với nhóm sản phẩm ngũ cốc và sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bao gồm sản phẩm ngũ cốc đã qua chế biến.
3. Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm, ban hành kèm theo Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Y Tế dành cho nhóm sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, khoai củ, đậu đỗ: bánh, bột (dùng trực tiếp không qua xử lý nhiệt trước khi sử dụng)
4. Tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Biên Hòa, ngày 4 tháng 6 năm 2018



TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN TÂN KỶ





Phụ lục
DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ

Đính kèm bản tự công bố số 002/VCF/2018

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA	NHÓM SẢN PHẨM NGŨ CỐC	Số TCCS 02:2018/BH106
	THỰC PHẨM BỔ SUNG – NGŨ CỐC DINH DƯỠNG HÀNG NGÀY B'FAST	Có hiệu lực từ ngày hoàn tất thủ tục tự công bố sản phẩm

1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Cảm quan: Dạng bột, có vảy cốm trong sản phẩm.
- Màu sắc: Màu trắng có các vảy màu vàng.
- Mùi: Thơm sữa quỳen cùng ngũ cốc yến mạch, không có mùi lạ.
- Vị: ngọt, béo hài hòa, thơm sữa ngũ cốc yến mạch, chuối chín và tinh bột nhẹ.

2. Các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố	Mức đáp ứng trên khẩu phần ăn
1	Hàm lượng ẩm	% khối lượng	$\leq 5,0$	
2	Năng lượng	kcal/100 g	313,6 - 583,0	
3	Hàm lượng protein	g/100 g	3,7 - 6,9	
4	Hàm lượng béo	g/100 g	10,0 - 18,6	
5	Hàm lượng carbohydrate	g/100 g	52,2 - 97,0	
6	Hàm lượng xơ tiêu hóa	g/100 g	4,1 - 7,7	
7	Hàm lượng canxi	mg/100 g	408,0 – 612,0	10,6 – 15,9 % (tính trên 1 gói 26 g)

- 3. Các chỉ tiêu vi sinh vật:** theo Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm, ban hành kèm theo Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Y Tế dành cho nhóm sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, khoai củ, đậu đỗ: bánh, bột (dùng trực tiếp không qua xử lý nhiệt trước khi sử dụng):

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	10^2
2	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^4

Bản tự công bố này được đăng tải tại: www.vinacafebienhoa.com

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (“Công ty”), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.



12

3	<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	10
		hoặc MPN/g	3
4	Coliforms	CFU/g	10
5	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	10
6	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	10
7	<i>Bacillus cereus</i>	CFU/g	10

4. **Hàm lượng kim loại nặng:** theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, ban hành kèm Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế đối với nhóm sản phẩm ngũ cốc.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	0,2
2	Hàm lượng cadmi (Cd)	mg/kg	0,1

5. **Hàm lượng độc tố vi nấm:** theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm, ban hành kèm Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y Tế đối với nhóm sản phẩm ngũ cốc và các sản phẩm có nguồn gốc từ ngũ cốc, bao gồm cả những sản phẩm đã qua chế biến; sản phẩm ngũ cốc đã qua xử lý, ngũ cốc làm dùng thực phẩm; ngũ cốc dùng để ăn, bột ngũ cốc.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng aflatoxin B1	µg/kg	2
2	Hàm lượng aflatoxin tổng số	µg/kg	4
3	Hàm lượng ochratoxin A	µg/kg	3
4	Hàm lượng deoxynivalenon	µg/kg	750
5	Hàm lượng zearalenone	µg/kg	75

6. Mức đáp ứng RNI

Mức đáp ứng RNI (*), %																						
TT	Tên chỉ tiêu	Mức công bố /100 g	Lượng tiêu thụ khi dùng 1 gói sản phẩm	Trẻ nhỏ, tuổi		Nam vị thành niên, tuổi			Nam trưởng thành, tuổi		Nữ vị thành niên, tuổi			Nữ trưởng thành niên, tuổi			Phụ nữ mang thai			Bà mẹ cho con bú (trong suốt thời kỳ cho con bú)		
1	Canxi	408,0 – 612,0	106,1 – 159,1	4-6	7-9	10-12	13-15	16-18	19-49	50-60	>60	10-12	13-15	16-18	19-49	50-60	>60	3 tháng đầu	3 tháng giữa	3 tháng cuối	6 tháng đầu	6 tháng sau
				17,7 – 26,5	15,2 – 22,7	10,6 – 15,9			15,2 – 22,7	10,6 – 15,9			15,2 – 22,7	10,6 – 15,9			10,6 – 15,9			10,6 – 15,9		

$$\text{Lượng tiêu thụ khi dùng 1 gói sản phẩm} = \frac{\text{Mức công bố} \times 26}{100}$$

$$\text{Mức đáp ứng RNI} = \frac{\text{Lượng tiêu thụ khi dùng 1 gói sản phẩm} \times 100}{\text{Lượng dùng khuyến cáo hàng ngày cho người Việt Nam}}$$

Khối lượng tịnh mỗi gói: 26 g

(*) Mức đáp ứng RNI: tính toán trên 1 gói sản phẩm cho các nhóm đối tượng theo số liệu Bảng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam, ban hành kèm theo Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014.





NGŨ CỐC DINH DƯỠNG HÀNG NGÀY

Khối lượng tịnh: 26 g

THỰC PHẨM BỔ SUNG

NGŨ CỐC DINH DƯỠNG HÀNG NGÀY

YẾN MẠCH
+ 100 mg CANXI
TỪ SỮA

THỰC PHẨM BỔ SUNG

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:



Cho 1 gói Thực phẩm bổ sung - Ngũ cốc dinh dưỡng hàng ngày B'fast vào tách. Thêm 140 ml nước nóng. Khuấy đều trước khi dùng. Có thể dùng chung với đá. Có thể cho 2 gói tùy sở thích.

THÀNH PHẦN:

Bột kem^{}, đường, ngũ cốc^{***} 24,4 %, yến mạch 13,5 %, hỗn hợp canxi và khoáng chất từ sữa 1,7 %, muối, hương liệu tổng hợp, giống tự nhiên.**

**** Bột kem** (glucose syrup, dầu thực vật, chiết xuất mầm lúa mạch, chất khô từ sữa, đường, chất ổn định (340ii, 452i), chất nhũ hóa (471, 472e), chất điều chỉnh độ axit (331iii), chất chống đông vón (551), hương liệu tổng hợp, muối)

***** ngũ cốc** (bột mì, đường, tinh bột khoai mì, yến mạch nguyên cám, bột đậu nành, chiết xuất mầm lúa mạch, bột gạo, muối, glucose syrup, hỗn hợp acid amin, D-xylose, hương liệu giống tự nhiên, chất tạo màu tự nhiên (160b(ii)), chất chống oxy hóa (307b))

Sản phẩm chứa các nguyên liệu có nguồn gốc từ ngũ cốc chứa gluten, đậu nành, sữa.

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh để gần hóa chất và sản phẩm có mùi mạnh.

Sản xuất theo số TCCS 02:2018/BH106

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: Độ ẩm không quá 5 %

Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Tư vấn khách hàng: 1800 6068

Sản xuất tại Việt Nam

Đành riêng cho thị trường Việt Nam, không dành cho xuất khẩu.

Exclusively for sale in Vietnam. Exports are not authorized.

NSX: xem trên bao bì

Sử dụng tốt nhất trước: 09 tháng kể từ NSX

Hình ảnh trên bao bì chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm.



(*) Thêm khoảng 100 mg Canxi từ sữa cho 1 gói sản phẩm.

NGŨ CỐC DINH DƯỠNG HÀNG NGÀY

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:

Cho 1 gói Thực phẩm bổ sung - Ngũ cốc dinh dưỡng hàng ngày B'fast vào tách. Thêm 140 ml nước nóng. Khuấy đều trước khi dùng. Có thể dùng chung với đá. Có thể cho 2 gói tùy sở thích.

THÀNH PHẦN:

Bột kem^{}, đường, ngũ cốc^{***} 24,4 %, yến mạch 13,5 %, hỗn hợp canxi và khoáng chất từ sữa 1,7 %, muối, hương liệu tổng hợp, giống tự nhiên.**

**** Bột kem** (glucose syrup, dầu thực vật, chiết xuất mầm lúa mạch, chất khô từ sữa, đường, chất ổn định (340ii, 452i), chất nhũ hóa (471, 472e), chất điều chỉnh độ axit (331iii), chất chống đông vón (551), hương liệu tổng hợp, muối)

***** ngũ cốc** (bột mì, đường, tinh bột khoai mì, yến mạch nguyên cám, bột đậu nành, chiết xuất mầm lúa mạch, bột gạo, muối, glucose syrup, hỗn hợp acid amin, D-xylose, hương liệu giống tự nhiên, chất tạo màu tự nhiên (160b(ii)), chất chống oxy hóa (307b))

Sản phẩm chứa các nguyên liệu có nguồn gốc từ ngũ cốc chứa gluten, đậu nành, sữa.

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN:

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh để gần hóa chất và sản phẩm có mùi mạnh.

Sản xuất theo số TCCS 02:2018/BH106

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: Độ ẩm không quá 5 %

Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Tư vấn khách hàng: 1800 6068

Sản xuất tại Việt Nam

Đành riêng cho thị trường Việt Nam, không dành cho xuất khẩu.

Exclusively for sale in Vietnam. Exports are not authorized.

NSX: xem trên bao bì

Sử dụng tốt nhất trước: 09 tháng kể từ NSX

Hình ảnh trên bao bì chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm.



Số:

/VYTCC



009404

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 04684.18



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA
Địa chỉ : KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 1, P. AN BÌNH, TP.BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM
Tên mẫu : THỰC PHẨM BỔ SUNG - NGŨ CỐC DINH DƯỠNG HÀNG NGÀY B'FAST
Ngày lấy mẫu : 21/03/2018
Lượng mẫu : 06 gói x 26 g
Ngày nhận mẫu : 21/03/2018
Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm
Người nhận mẫu : Dương Nữ Thanh Vân
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	AOAC 966.23 - 2016 (b)	< 10 CFU /g	22/03/2018
2	Coliforms	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007) (a)	< 10 CFU /g	22/03/2018
3	<i>Escherichia coli</i>	AOAC 991.14 - 2016, TCVN 9975:2013 (b)	< 10 CFU /g	22/03/2018
4	<i>Bacillus cereus</i>	AOAC 980.31 - 2016 (b)	< 10 CFU /g	22/03/2018
5	<i>Clostridium perfringens</i>	AOAC 976.30 - 2016 (b)	< 10 CFU /g	22/03/2018
6	<i>Staphylococcus aureus</i>	AOAC 975.55 - 2016 (b)	< 10 CFU /g	22/03/2018
7	Định lượng nấm men và nấm mốc	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) (b)	< 10 CFU /g	22/03/2018



Số:

009403

/VYTCC

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 04681.18



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA
Địa chỉ : KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 1, P. AN BÌNH, TP.BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM
Tên mẫu : THỰC PHẨM BỔ SUNG - NGŨ CỐC DINH DƯỠNG HÀNG NGÀY B'FAST
Ngày lấy mẫu : 21/03/2018
Lượng mẫu : 05 gói x 26 g
Ngày nhận mẫu : 21/03/2018
Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm
Người nhận mẫu : Dương Nữ Thanh Vân
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS (a)	Không phát hiện MLOD = 0,010 mg/kg	22/03/2018
2	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS (a)	Không phát hiện MLOD = 0,030 mg/kg	22/03/2018

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu có nhãn phụ. NSX: 19/03/2018. Sử dụng tốt nhất trước 09 tháng kể từ NSX.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005.
- Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 007780/VYTCC ban hành ngày 04/05/2018 về việc thay đổi tên mẫu.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM

Ths. Nguyễn Đức Thịnh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 5 năm 2018

VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG
VIỆN Y TẾ
CÔNG CỘNG
TP. HỒ CHÍ MINH

Ths. Bs Phạm Kim Anh

KT3-05434ATP8

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

23/05/2018
Page 01/02

1. Tên mẫu
Name of sample : **THỰC PHẨM BỔ SUNG – NGŨ CỐC DINH DƯỠNG HÀNG NGÀY B'FAST**
2. Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Mẫu đựng trong bao bì ép kín, không nhãn hiệu.
As received sample is contained in sealed package, without label.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 16/05/2018
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 17/05/2018 – 23/05/2018
6. Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA**
KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, Tp. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / See page 02/02

P. TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
DEPUTY HEAD OF FOOD TESTING LAB

**Nguyễn Hữu Tín**

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.

**Phan Thành Trung**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written approval of Quatest 3.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample and customer are written as customer's request.
4. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information.

N/A: không áp dụng.
Not applicable

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results



Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit of Detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.1. Hàm lượng aflatoxin B1, $\mu\text{g/kg}$ <i>Aflatoxin B1 content</i>	AOAC 2016 (991.31)	0,24	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.2. Hàm lượng aflatoxin tổng (B1 + B2 + G1 + G2), $\mu\text{g/kg}$ <i>Total aflatoxin content</i>	AOAC 2016 (991.31)	0,10	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.3. Hàm lượng ochratoxin A, $\mu\text{g/kg}$ <i>Ochratoxin A content</i>	AOAC 2016 (2000.03)	0,3	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.4. Hàm lượng deoxynivalenol (DON), $\mu\text{g/kg}$ <i>Deoxynivalenol content</i>	QTTN/KT3 089 : 2014 (LC/MS/MS)	20	Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.5. Hàm lượng zearalenone, $\mu\text{g/kg}$ <i>Zearalenone content</i>	TCVN 9591 : 2013	15	Không phát hiện <i>Not detected</i>

th

QUATEST 3®



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Q1, Hồ Chí Minh City, VIỆT NAM
Testing: 7 Road 1, Biên Hòa Industrial Zone, Đồng Nai

Tel: (84-28) 3829 4274 **Fax:** (84-28) 3829 3012
Tel: (84-251) 383 6212 **Fax:** (84-251) 383 6298

www.quatest3.com.vn
tn-cskh@quatest3.com.vn



Số:

009407

/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 04673.18



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA
Địa chỉ : KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 1, P. AN BÌNH, TP.BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM
Tên mẫu : THỰC PHẨM BỔ SUNG - NGŨ CỐC DINH DƯỠNG HÀNG NGÀY B'FAST
Ngày lấy mẫu : 21/03/2018
Lượng mẫu : 04 gói x 26 g
Ngày nhận mẫu : 21/03/2018
Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm
Người nhận mẫu : Dương Nữ Thanh Vân
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Phốtpho - Phosphorus (P)	HD.PP.37/TT.AAS (a)	521 mg/100g	22/03/2018
2	Calci (Ca)	HD.PP.02/TT.AAS-Ref. AOAC 975.03 - 2010	510 mg/100 g	21/03/2018

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu có nhãn phụ. NSX: 19/03/2018. Sử dụng tốt nhất trước 09 tháng kể từ NSX.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005.
- Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 007781/VYTCC ban hành ngày 04/05/2018 về việc thay đổi tên mẫu.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM

Ths. Nguyễn Đức Thịnh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 5 năm 2018

VIỆN TRƯỞNG

PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Ths.Bs Phạm Kim Anh



Số: 009401 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 04682.18

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA
Địa chỉ : KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 1, P. AN BÌNH, TP.BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM
Tên mẫu : THỰC PHẨM BỔ SUNG - NGŨ CỐC DINH DƯỠNG HÀNG NGÀY B'FAST
Ngày lấy mẫu : 21/03/2018
Lượng mẫu : 04 gói x 26 g
Ngày nhận mẫu : 21/03/2018
Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm
Người nhận mẫu : Dương Nữ Thanh Vân

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Xơ tiêu hóa	AOAC 991.43 - 2012	5,91 g/100g	22/03/2018

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu có nhãn phụ. NSX: 19/03/2018. Sử dụng tốt nhất trước 09 tháng kể từ NSX.
- Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 007779/VYTCC ban hành ngày 04/05/2018 về việc thay đổi tên mẫu.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM

Ths. Nguyễn Đức Thịnh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 5 năm 2018

VT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Ths.Bs Phạm Kim Anh

Số: **009406** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 04672.18



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA
Địa chỉ : KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 1, P. AN BÌNH, TP.BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM
Tên mẫu : THỰC PHẨM BỔ SUNG - NGŨ CỐC DINH DƯỠNG HÀNG NGÀY B'FAST
Ngày lấy mẫu : 21/03/2018
Lượng mẫu : 06 gói x 26 g
Ngày nhận mẫu : 21/03/2018
Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm
Người nhận mẫu : Dương Nữ Thanh Vân
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Độ ẩm	AOAC 950.46 - 2012 (a)	2,53 g/100g	21/03/2018
2	Carbohydrate	AOAC 986.25 - 2012	74,56 g/100g	26/03/2018
3	Lipid	AOAC 991.36 - 2012	14,30 g/100g	21/03/2018
4	Protein	AOAC 991.20 - 2012 (b)	5,30 g/100g	21/03/2018
5	Năng lượng	KNCL và TTVSATTP	448,14 kcal/100g	26/03/2018

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu có nhãn phụ. NSX: 19/03/2018. Sử dụng tốt nhất trước 09 tháng kể từ NSX.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2005 và được Bộ Y tế, Bộ Công thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 007782/VYTCC ban hành ngày 04/05/2018 về việc thay đổi tên mẫu.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP
KHU VỰC PHÍA NAM

Ths. Nguyễn Đức Thịnh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 5 năm 2018

VIỆN TRƯỞNG
Y TẾ
CÔNG CỘNG
TP. HỒ CHÍ MINH
Ths. Bs Phạm Kim Anh